

KIỂM TRA KIẾN THỨC ĐỀ NHẬP QUỐC TỊCH

Để giúp các bạn hiểu thêm về nước Đức (kiểm tra nhập quốc tịch), chúng tôi thu thập những câu hỏi của tiểu bang Hessen, dịch ra tiếng Việt và trả lời giúp các bạn bằng hai thứ tiếng.

Nguyễn Thế Tuyên (Berlin CHLB Đức)

Câu 1

Wie viele Einwohner hat Deutschland?

Nước Đức có bao nhiêu dân?

Deutschland hat ca. 82 Millionen Einwohner.

Nước Đức có khoảng 82 triệu dân.

Câu 2

Nennen Sie 3 Flüsse, die durch Deutschland fließen!

Bạn hãy kể tên 3 con sông chảy qua lãnh thổ Đức!

Rhein, Elbe, Donau.

Câu 3

Nennen Sie 3 deutsche Mittelgebirge!

Bạn hãy nêu tên 3 vùng trung du của Đức!

Erzgebirge, Harz, Schwarzwald

Câu 4

Wie heißt die Hauptstadt der Bundesrepublik Deutschland?

Tên thủ đô của CHLB Đức là gì?

Berlin

Câu 5

Wie viele Bundesländer hat die Bundesrepublik Deutschland?

Nước CHLB Đức có bao nhiêu tiểu bang?

Die Bundesrepublik Deutschland hat 16 Bundesländer.

Nước CHLB Đức có 16 tiểu bang

Câu 6

Nennen Sie 7 Bundesländer und ihre Hauptstädte!

Bạn hãy nêu tên 7 tiểu bang và thủ đô của nó!

Sachsen (Dresden), Bayern (München), Thüringen (Erfurt), Hessen (Wiesbaden), Niedersachsen (Hannover), Brandenburg (Potsdam), Sachsen-Anhalt (Magdeburg).

Câu 7

Nennen Sie 3 Staaten, die an die Bundesrepublik Deutschland grenzen!

Bạn hãy kể tên 3 quốc gia giáp ranh với CHLB Đức!

Frankreich, Österreich, Polen

Pháp, Áo, Ba lan

Câu 8

Welche Voraussetzungen muss man erfüllen, um deutsche Staatsbürgerschaft zu werden?

Để trở thành công dân Đức, người ta phải đáp ứng những điều kiện nào?

Unbefristetes Bleiberecht in Deutschland, demokratische Werte und Ordnungen der Bundesrepublik anerkennen, deutsche Sprache beherrschen.

Đã được hưởng quy chế ở lại vĩnh viễn, công nhận những giá trị và chế độ dân chủ của CHLB Đức, biết tiếng Đức.

Câu 9

Was verstehen Sie unter Begriff “Reformation” und wer hat sie eingeleitet?

Bạn hiểu thế nào về khái niệm “Reformation / cải cách”? và ai là người lãnh đạo phong trào này?

Das war die Spaltung des Christentums in katholischer und evangelischer Glaubensrichtungen. Martin Luther hatte diesen Prozess eingeleitet.

Thiên chúa giáo bị tách thành hai dòng đạo, đạo ki tô và đạo tin lành. Martin Luther đã khởi xướng quá trình này.

Câu 10

Welche Versammlung tagte im Jahr 1848 in der Frankfurter Paulskirche?

Cuộc họp nào đã diễn ra ở nhà thờ Paulskirche tại Frankfurt năm 1848?

Die erste Nationalversammlung

Kỳ họp quốc hội đầu tiên

Câu 11

Die erste Republik mit demokratischer Verfassung in Deutschland wurde 1918 aufgerufen. Wie wird diese erste deutsche Republik genannt?

Nền cộng hoà đầu tiên có hiến pháp dân chủ ở Đức được thành lập năm 1918. Nền cộng hoà này được gọi là gì?

Die Weimarer Republik

Cộng hoà Weimar

Câu 12

Wann ging diese erste deutsche Republik zu Ende?

Nền cộng hoà này kết thúc khi nào?

1933, als Hitler an die Macht kam

Năm 1933 khi Hitler lên nắm quyền

Câu 13

In welchen Jahren der ersten Hälfte des 20. Jahrhunderts war Deutschland eine Diktatur?

Trong những năm nào của nửa đầu thế kỷ thứ 20, nước Đức có chế độ độc tài?

Von 1933 bis 1945

Từ 1933 đến 1945

Câu 14

Wie hieß die damals herrschende Partei?

Đảng cầm quyền hồi đó tên là đảng gì?

NSDAP, Abkürzung von Nationalsozialistische Deutsche Arbeiterpartei.

NSDAP, viết tắt của Đảng công nhân quốc xã Đức

Câu 15

Erläutern Sie den Begriff “Holocaust”!

Bạn hãy giải thích khái niệm “Holocaust”!

Das ist ein israelischer Begriff und bedeutet: Massenvernichtung an Juden im 2. Weltkrieg.

Đó là một khái niệm trong tiếng Israel và có nghĩa là huỷ diệt hàng loạt người Do thái trong Chiến tranh thế giới lần thứ II

Câu 16

Wenn jemand den Holocaust als Mythos oder Märchen bezeichnet: Was sagen Sie dazu?
Nếu một ai đó cho rằng Holocaust chỉ là câu chuyện hoang đường thì ý kiến của bạn thế nào?

Der hat die Geschichte geleugnet, mit der Absicht gegen Israel zu schüren.

Người đó đã phủ nhận lịch sử, khơi dậy ý đồ chống Israel.

Câu 17

Erläutern Sie den Begriff "Existenzrecht" Israels!

Bạn hãy giải thích khái niệm "Quyền được tồn tại" của dân tộc Israel!

2000 Jahre vor Christus hatten die Juden den Staat Israel gegründet und die Stadt Jerusalem gebaut. Danach wurden Juden , wegen komplizierter Geschichte, überall in die Welt zerstreut. Um einen ähnlichen Vorfall wie Holocaust in der Zukunft zu verhindern, hatte Uno 1947 beschlossen, die Gründung einen neuen Staat Israel in der alten Heimat zu unterstützen. Die Israelis haben das Recht, auf dem Boden ihrer Vorfahren zu leben.

2000 năm trước công nguyên, người Do thái đã thành lập nước Israel và xây thành Jerusalem. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, họ phải tản mát khắp nơi trên thế giới. Để tránh những thảm hoạ tương tự như Holocaust, Liên hiệp quốc đã quyết định ủng hộ thành lập nước Israel mới vào năm 1947 trên quê hương cũ. Người Israel có quyền sống trên mảnh đất của ông cha họ.

Câu 18

Welches Ereignis fand am 20. 7. 1944 statt?

Sự kiện gì xảy ra ngày 20. 7. 1944?

Bombenattentat von Graf Stauffenberg auf Hitler, aber gescheitert.

Bá tước Stauffenberg ám sát hụt Hitler.

Câu 19

Was geschah am 8. Mai. 1945 ?

Điều gì xảy ra ngày 8. 5. 1945?

Bedingungslose Kapitulation Deutschlands.

Đức đầu hàng vô điều kiện.

Câu 20

Nach dem Zusammenbruch des "Dritten Reiches" war Deutschland in 4 Besatzungszonen aufgeteilt. Wer waren die 4 Besatzungsmächte?

Sau khi "Vương quốc thứ ba" sụp đổ, Đức bị chia thành 4 vùng chiếm đóng. 4 thế lực chiếm đóng là những thế lực nào?

Die USA, Großbritannien, Sowjetunion und Frankreich

Mỹ, Anh , Liên xô và Pháp

Câu 21

In welchem Jahr wurde die Bundesrepublik Deutschland gegründet?

Nước CHLB Đức được thành lập năm nào?

Im Jahre 1949

Năm 1949

Câu 22

Wie hieß der erste Bundeskanzler?

Ông thủ tướng đầu tiên của Liên bang tên là gì?

Konrad Adenauer

Câu 23

Was bedeutet "DDR"?

DDR có nghĩa là gì?

DDR ist die Abkürzung von: Deutsche Demokratische Republik.

DDR là chữ viết tắt của CHDC Đức/ Đông Đức trước kia.

Câu 24

Welches Ereignis fand am 17. 6. 1953 in der DDR statt?

Sự kiện gì xảy ra ngày 17. 6. 1953 ở CHDC Đức?

Volkaufstand in Ostberlin wurde von der Sowjetarmee niedergeschlagen.

Sự nổi dậy của dân vùng Đông Berlin bị quân đội Liên xô đè bẹp.

Câu 25

Was verstehen Sie unter dem deutschen "Wirtschaftswunder"?

Bạn hiểu thế nào về khái niệm "kỳ tích kinh tế" của Đức?

Durch die Einführung der sozialen Marktwirtschaft unter Ludwig Erhardt wurde die deutsche Wirtschaft in kurzer Zeit nach dem Krieg verdoppelt. "Wohlstand für alle" war die Slogan damals.

Bộ trưởng kinh tế liên bang Ludwig Erhardt đã thực hiện chính sách kinh tế thị trường mang tính xã hội. Chỉ trong một thời gian ngắn sau chiến tranh, kinh tế Đức đã tăng gấp đôi. "Giàu sang cho tất cả mọi người" là khẩu hiệu lúc đó.

Câu 26

Erläutern Sie den Begriff "Mauerbau" 1961 in Berlin!

Bạn hãy giải thích khái niệm "xây tường" năm 1961 ở Berlin!

Nach der Gründung der DDR 1949 sind viele Wissenschaftler, Ingenieure, Lehrer ... nach Westberlin und Westdeutschland geflohen. Die Mauer zwischen Ost- und Westberlin ist am 13. 8. 1961 von der DDR mit der Unterstützung der Sowjetarmee errichtet worden, um den Fluchtsstrom aus der DDR zu blockieren.

Sau khi CHDC Đức được thành lập, rất nhiều nhà khoa học, kỹ sư, thầy cô giáo chạy trốn sang tây Berlin và Tây Đức. Bức tường giữa đông và tây Berlin được CHDC Đức với sự giúp đỡ của quân đội Xô viết dựng lên đêm 13. 8. 1961, nhằm chặn đứng dòng vượt biên chạy trốn khỏi CHDC Đức

Câu 27

Welcher deutsche Bundeskanzler bekam den Friedensnobelpreis?

Thủ tướng nào của Đức đã được nhận giải thưởng Nobel về hoà bình?

Willi Brandt

Câu 28

In welchem Jahr kam es zur deutschen Wiedervereinigung?

Nước Đức tái thống nhất vào năm nào?

Im Jahre 1990

Năm 1990

Câu 29

Nennen Sie die Bundesländer, die heute auf dem Gebiet der ehemaligen DDR existieren!

Bạn hãy kể tên những tiểu bang nằm ở CHDC Đức xưa kia!

Mecklenburg - Vorpommern , Brandenburg, Sachsen Anhalt, Thüringen , Sachsen, Berlin

Câu 30

Der 9. November hat in der deutschen Geschichte eine besondere Bedeutung. Welche Ereignisse fanden statt a) am 9.11.1938 b)am 9.11.1989 ?

Trong lịch sử nước Đức, ngày 9. 11 có một ý nghĩa đặc biệt. Sự kiện gì xảy ra ngày a) 9.11. 1938 và b)9.11.1989?

Am 9.11.1938 war Pogromnacht gegen Juden in Deutschland. Am 9.11.1989 war Mauerfallstag in Berlin.

Ngày 9.11. 1938 là ngày tàn sát người Do thái ở Đức. Ngày 9.11.1989 là ngày bức tường Berlin sụp đổ.

Câu 31

Wo sind die Grundrechte der deutschen Staatsbürger festgelegt?

Những quyền cơ bản của công dân Đức được quy định ở đâu?

Sie sind im Grundgesetz festgelegt.

Được quy định trong hiến pháp

Câu 32

Wie heißt die Verfassung der Bundesrepublik Deutschland?

Hiến pháp Đức còn có tên là gì?

Grundgesetz

Bộ luật nền tảng

Câu 33

In welchem Jahr ist sie in Kraft getreten?

Nó có hiệu lực bắt đầu từ năm nào?

Seit 1949

Từ năm 1949

Câu 34

Von wem geht in der Bundesrepublik alle Staatsgewalt aus? Welche Vorteile ergeben sich daraus für die Bürgerinnen und Bürger?

Ở CHLB Đức mọi quyền lực nhà nước từ đâu mà ra? Điều đó có những lợi thế gì cho công dân?

Vom Volk aus . Beim Misstrauen können sie nach einer Periode diese Organe absetzen, und deren Arbeit kontrollieren. Das sind die Vorteile.

Từ nhân dân mà ra. Nếu không đáp ứng được nguyện vọng, họ sẽ không bầu tiếp trong nhiệm kỳ tới. Họ cũng có thể kiểm soát được công tác của các cơ quan này. Đó là những lợi thế

Câu 35

Welches Recht schützt der Artikel 1 der bundesdeutschen Verfassung?

Quyền gì được điều 1 hiến pháp liên bang bảo vệ?

Die Würde des Menschen

Phẩm giá con người

Câu 36

Wie heißt das höchste gesetzgebende Organ der Bundesrepublik Deutschland und wer bestimmt seine Mitglieder?

Cơ quan quyền lực cao nhất của CHLB Đức tên là gì? Ai có quyền quyết định về hoạt động của các thành viên cơ quan này?

Der Bundestag. Der Bundestagpräsident bestimmt die Arbeit seiner Mitglieder
Quốc hội. Ông chủ tịch quốc hội có quyền quyết định hoạt động của các thành viên.

Câu 37

Unsere Verfassung garantiert Grundrechte. Nennen Sie vier!

Hiến pháp của chúng ta bảo đảm những quyền cơ bản. Bạn hãy nêu 4 quyền trong đó!

Alle Menschen sind vor dem Gesetz gleich. Meinungs- Rede- und Versammlungsfreiheit. Glaubensfreiheit. Bewegungsfreiheit.

Trước luật pháp mọi người đều bình đẳng. Tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do phát biểu ý kiến của mình. Tự do tín ngưỡng. Tự do đi lại.

Câu 38

In der Verfassung ist verankert, dass alle Menschen vor dem Gesetz gleich sind. Erläutern Sie diesen Grundsatz!

Trong hiến pháp có ghi rõ, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Bạn hãy giải thích rõ câu này!

Das Gesetz behandelt jeden gleich, egal ob er der Bundeskanzler oder ein Bauer ist. Das Symbol der Justiz ist die augenverbundene Gerechtigkeitsgöttin mit der Waage in einer Hand und einem Schwert in der anderen Hand.

Luật pháp xử tất cả mọi người đều giống nhau, bất kể người đó là thủ tướng hay một nông dân. Biểu tượng của tư pháp là nữ thần công lý, bịt mắt, một tay cầm cân tay kia cầm thanh kiếm.

Câu 39

Einer Frau soll es nicht erlaubt sein, sich ohne Begleitung eines nahen männlichen Verwandten allein in der Öffentlichkeit aufzuhalten oder auf Reisen gehen zu dürfen: Wie ist Ihre Meinung dazu?

Một phụ nữ không được phép ở chỗ đông người hoặc đi một mình nếu không có một người đàn ông thân thích đi cùng. Quan điểm của bạn về vấn đề này thế nào?

Das ist zu streng. Dadurch wird die Freiheit des Einzelnen beraubt

Điều đó khắc nghiệt quá. Quyền tự do của mỗi cá nhân bị cướp đi.

Câu 40

Wer kann in der Bundesrepublik Deutschland einen Antrag auf Ehescheidung stellen?

Ở CHLB Đức, ai là người có quyền đặt đơn xin ly dị?

Beide

Cả hai

Câu 41

Beschreiben Sie den Grundgedanken der Gewaltenteilung!

Bạn hãy mô tả những ý chính của việc phân chia quyền lực!

Die Staatsgewalten dürfen sich nicht auf eine Person oder eine Organisation konzentrieren (Gefahr einer Diktatur). Die 3 wichtigsten Staatsgewalten werden wie folgt geteilt, nämlich Bundestag als das gesetzgebende Organ, Bundesregierung als das gesetzführende Organ und Bundesjustiz als das gesetzesprechende Organ.

Quyền lực nhà nước không được phép tập trung vào một cá nhân hay một tổ chức (nguy cơ độc tài). 3 quyền lực nhà nước quan trọng nhất được phân quyền như sau, cụ thể quốc hội là cơ quan lập pháp, chính phủ là cơ quan hành pháp và tư pháp liên bang là cơ quan kiểm soát sự thực hiện.

Câu 42

Erläutern Sie den Begriff “ Religionsfreiheit”!

Bạn hãy giải thích khái niệm “ Tự do tôn giáo”!

Man kann einer Religion beitreten oder aus dieser treten, ohne Angst bestraft oder kritisiert zu werden.

Người ta có thể gia nhập hay bỏ một đạo nào đó mà không sợ bị trừng phạt hay bị chỉ trích.

Câu 43

In Filmen, Theaterstücken, Büchern werden manchmal die religiösen Gefühle von Menschen der unterschiedlichen Glaubensrichtungen verletzt. Welche Mittel darf der Einzelne Ihrer Meinung nach anwenden, um sich gegen so etwas zu wehren, und welche nicht?

Trong phim, kịch, sách báo có những lúc nội dung của nó xúc phạm đến cảm xúc tín ngưỡng của con người khác nhau về tôn giáo. Theo ý bạn một cá nhân có thể dùng hình thức nào để chống lại những điều đó và tự bảo vệ mình, điều gì không được phép?

Rede- Meinung- und Versammlungsfreiheit anwenden, nicht mit Gewalt.

Hãy dùng các quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp để tỏ ý phản đối, không được dùng vũ lực.

Câu 44

In Deutschland gibt es eine gesetzliche Schulpflicht für alle Kinder und Jugendlichen. In welchem Alter beginnt die Schulpflicht, wann endet sie?

Ở Đức có luật bắt buộc thanh thiếu niên phải đi học. Tuổi nào là tuổi bắt đầu phải đi học, tuổi nào kết thúc?

Schulanfang 6 Jahre, Schulende 21 Jahre

Bắt đầu đi học lúc 6 tuổi và kết thúc lúc 21 tuổi.

Câu 45

Was ist der Grund für die gesetzliche Schulpflicht?

Luật bắt buộc đi học xuất phát từ lý do gì?

Wenn es nicht pflichtgemäß wäre, könnten viele Kinder ab 6 Jahren nicht zur Schule kommen, was eine Gefahr für jede Nation in Zukunft darstellt.

Nếu không bắt buộc, có thể rất nhiều trẻ em trên 6 tuổi không đi học, một nguy cơ cho mọi dân tộc trong tương lai.

Câu 46

Nicht immer sind Eltern mit dem Verhalten ihrer Kinder einverstanden. Welche Erziehungsmaßnahmen sind erlaubt, welche verboten?

Không phải lúc nào bố mẹ cũng đồng ý với con cái. Những biện pháp giáo dục nào được phép, những biện pháp nào cấm?

Erlaubt sind Miteinanderreden, Erklären. Verboten ist die Anwendung von Gewalten.

Được phép là ngồi nói chuyện với nhau, giải thích nhẹ nhàng. Cấm dùng vũ lực.

Câu 47

Welche Möglichkeiten haben Eltern, die Partnerwahl ihres Sohnes oder ihrer Tochter zu beeinflussen? Welche Handlungen sind verboten?

Bố mẹ có những hình thức nào gây ảnh hưởng trong việc chọn bạn đời của con trai và con gái họ? Hành động nào bị cấm?

Überzeugen, Erklären. Zwang ist verboten

Thuyết phục, giải thích. Còn cưỡng bức bị cấm.

Câu 48

Die Wahlen zu den deutschen Parlamenten müssen allgemein, unmittelbar, frei, gleich und geheim sein. Erlären Sie diese Wahlgrundsätze!

Bầu cử vào quốc hội Đức phải thực hiện nguyên tắc: phổ thông, trực tiếp, tự do, bình đẳng và bí mật. Bạn hãy giải thích những khái niệm cơ bản trên của bầu cử.

„allgemein“ bedeutet: Jeder Bürger darf wählen

„unmittelbar“ bedeutet: direkte Wahl einer Partei oder eines Kandidaten.

„frei“ bedeutet: Wähler können ohne Zwang und Kontrolle entscheiden, welche Parteien und welche Kandidaten sie wählen wollen.

„gleich“ bedeutet : Jede Stimme hat das gleiche Gewicht

„geheim“ bedeutet: Wahlkabinen und Wahlzettel dürfen nicht beobachtet werden.

„phổ thông“ có nghĩa là: ai cũng được phép đi bầu

„trực tiếp“ có nghĩa là: dân có thể trực tiếp bầu một đảng hay một ứng cử viên nào đó.

„tự do“ có nghĩa là: Cử tri có thể tự do quyết định mình bầu cho đảng nào, ứng cử viên nào mình muốn, không bị ép buộc hay kiểm tra .

„bình đẳng“ có nghĩa là: mọi lá phiếu đều có giá trị ngang nhau.

„bí mật“ có nghĩa là: phòng bỏ phiếu và lá phiếu không bị ai quan sát.

Câu 49

Erläutern Sie den Begriff “Mehrparteienprinzip”!

Bạn hãy giải thích khái niệm nguyên tắc đa đảng!

Mehrere große Parteien können im Parlament vertreten. Die Plätzeanzahl im Parlament wird nach den gewonnenen Stimmen verteilt.

Trong quốc hội có đại diện của nhiều đảng. Số ghế trong quốc hội được phân chia theo số phiếu được bầu.

Câu 50

Begründen Sie, warum die Wahlen in der ehemaligen DDR nicht unseren demokratischen Grundsätzen entsprachen?

Bạn hãy biện luận, tại sao bầu cử ở Đông Đức cũ không phù hợp với những nguyên tắc bầu cử dân chủ của chúng ta?

Die SED als die einzige Partei im Parlament. Die Kandidaten wurden von der SED bestimmt, keine direkte Wahl.

SED là đảng duy nhất trong quốc hội, các ứng cử viên do đảng SED chỉ định, không có bầu cử trực tiếp.

Câu 51

Welche Parteien sind derzeit im deutschen Bundestag vertreten? Nennen Sie mindestens drei!

Hiện nay có những đảng nào đại diện trong quốc hội Đức? Bạn hãy nêu ít nhất 3 đảng!

CDU, SPD, die Linke

Đảng CDU, đảng SPD, đảng cánh tả

Câu 52

Was sind Bürgerinitiativen?

Thế nào là những tổ chức kiến nghị của dân?

Das sind die Vereinigungen der Bürger, die nur ein spezielles Ziel verfolgen. Nach einiger Zeit können sie aufgelöst werden, wenn das Ziel erreicht ist. Z. B. gegen einen Straßenbau durch ihr Wohngebiet wegen der Lärmbelästigung.

Đó là những hội của dân theo đuổi những mục đích cụ thể. Xong việc những hội này có thể giải tán, ví dụ chống làm đường qua khu họ ở, vì tiếng ồn.

Câu 53

Wo finden die Parlamentssitzungen des Deutschen Bundestages statt?

Những cuộc họp của quốc hội Đức được tổ chức ở đâu?

Im Bundestagsgebäude in Berlin.

Trong nhà quốc hội ở Berlin

Câu 54

Wie oft findet die Wahl zum Deutschen Bundestag in der Regel statt?

Bầu cử quốc hội Đức thường được tổ chức theo chu kỳ bao lâu?

Normalerweise alle 4 Jahre

Bình thường ra cứ 4 năm một lần.

Câu 55

Wie heißt die Vereinigung von Abgeordneten einer Partei im Parlament?

Tên của nhóm đại biểu cùng một đảng trong quốc hội là gì?

Fraktion

Nhóm nghị sĩ quốc hội

Câu 56

Für die Abgeordneten in den Parlamenten gilt der “Grundsatz des freien Mandats” .
Was heißt das?

Các đại biểu quốc hội trên nguyên tắc đều là những “người đại diện tự do”. Điều đó có nghĩa là gì?

D. h. Die Abgeordneten gelten als Vertreter des gesamten Volkes, nicht an Aufträge und Anweisungen ihrer Wähler gebunden, nur ihrem Gewissen unterworfen.

Điều đó có nghĩa là: Các đại biểu là đại diện của toàn dân, không bị ràng buộc bởi những đòi hỏi và chỉ thị của những cử tri đã bầu, mà chỉ hành động theo lương tâm chính đáng của họ mà thôi.

Câu 57

Was bedeutet “ 5% Klausel” bei der Wahl zum deutschen Bundestag?

“Điều khoản 5%” trong việc bầu cử quốc hội ở Đức có nghĩa là gì?

Die Parteien, die bei der Wahl weniger als 5% der Stimmen bekommen haben, haben kein Recht, Sitze im Parlament zu besetzen.

Những đảng nào không có đủ 5% số phiếu sẽ không có ghế trong quốc hội.

Câu 58

Alle Bürgerinnen und Bürger können sich mit Beschwerden und Vorschlägen auch an besondere Ausschüsse der Parlamente wenden. Wie heißen diese Ausschüsse der Volksvertretungen in Bund und Ländern?

Tất cả nam nữ công dân có khiếu nại hoặc đề nghị có thể gửi đến một uỷ ban đặc biệt của quốc hội. Những uỷ ban đó là những đại diện của dân ở cấp liên bang và tiểu bang có tên là gì?

Petitionsausschuss

Uỷ ban có thể giải quyết những vấn đề ngược với luật. Ví dụ theo luật thì anh A không có quyền ở lại, nhưng uỷ ban xét cho anh A ở lại, hoặc vì lý do nhân đạo, hoặc vì quyền lợi nước Đức

Câu 59

Wie ist die Amtsbezeichnung des Staatsoberhauptes der Bundesrepublik Deutschland?

Người đứng đầu nhà nước CHLB Đức có danh hiệu là gì?

Bundespräsident

Tổng thống liên bang

Câu 60

Was ist das Bundeskabinett?

Nội các liên bang là gì?

Das ist ein Personenkreis, bestehend aus dem Bundeskanzler und seinen Ministern.

Đó là đội ngũ gồm thủ tướng liên bang và các bộ trưởng do ông ta chỉ định.

Câu 61

Welche Amtsbezeichnung hat der deutsche Regierungschef?

Người đứng đầu chính phủ Đức có danh hiệu là gì?

Bundeskanzler

Thủ tướng liên bang

Câu 62

Wie heißen die Streitkräfte der Bundesrepublik Deutschland?

Tên của các lực lượng quân đội Đức là gì?

Bundeswehr

Câu 63

Wann und zu welchem Zweck wurden sie gegründet?

Nó được thành lập bao giờ và với mục đích gì?

1956 und ab 1990 Vereinigung mit NVA. Ihre Aufgaben: Landesverteidigung und Hilfe bei Katastrophen leisten.

Nó được thành lập chính thức 1956 , năm 1990 hợp nhất với Quân đội nhân dân CHDC Đức. Nhiệm vụ của nó là : Bảo vệ đất nước và cứu giúp trong những trường hợp bị thảm họa/ ngập lụt, động đất, núi lửa.

Câu 64

Deutschland ist ein Bundesstaat. Was bedeutet das?

Nước Đức là một nước thể chế liên bang. Điều đó có nghĩa là gì?

Das ist ein Zusammenschluss mehrerer Staaten zu einem Gesamtstaat. In Deutschland gibt es 16 Bundesländer. Jedes Bundesland hat eine eigene Regierung, aber für die Entwicklung des Gesamtstaates entscheiden die Bundesregierung und der Bundestag.

Đó là sự liên minh của nhiều quốc gia riêng biệt (tiểu bang) thành một quốc gia chung. Ở Đức có 16 tiểu bang. Mỗi tiểu bang có chính phủ riêng, nhưng chính phủ và quốc hội liên bang có quyền quyết định vì sự phát triển chung của toàn quốc gia.

Câu 65

Wie heißt die Vertretung der deutschen Länder auf Bundesebene?

Tổ chức đại diện của các tiểu bang ở mặt phẳng liên bang có tên là gì?

Bundesrat

Thượng viện

Câu 66

Die Bundesrepublik Deutschland hat einen dreistufigen Verwaltungsaufbau. Wie heißt das unterste politische Gemeinwesen?

CHLB Đức có hệ thống hành chính 3 cấp. Cấp chính trị thấp nhất có tên là gì?

Kommune (Stadtparlament, Kreistag)

Tổ chức hành chính cấp địa phương xã / hội đồng thành phố, huyện

Câu 67

Wie lautet die Amtsbezeichnung des Regierungschefs der meisten Bundesländer?

Người đứng đầu chính phủ phần lớn các tiểu bang có danh hiệu là gì?

Ministerpräsident

Thống đốc bang/ Thủ hiến bang

Câu 68

Die Bundesrepublik Deutschland ist ein Rechtsstaat. Was bedeutet ein Rechtsstaat?

Nước CHLB Đức là một nhà nước pháp quyền. Như thế nào là một nhà nước pháp quyền?

In einem Rechtsstaat sind alle staatliche Entscheidungen und Handlungen an Recht gebunden, entsprechend der Verfassung. Eine Entscheidung darf niemals auf Anweisung einer Person oder einer Organisation getroffen werden. Die Staatsgewalt wird auf mehre Staatorgane verlagert.

Trong một nhà nước pháp quyền mọi quyết định và hành động của nhà nước phải dựa vào luật pháp, phù hợp với hiến pháp. Không bao giờ quyết định một vấn đề dựa trên chỉ thị của một cá nhân hay một tổ chức nào đó. Quyền lực nhà nước được phân chia cho nhiều cơ quan nhà nước khác nhau.

Câu 69

Die Rechtsordnung verbietet, privat Vergeltung zu üben oder das Recht auf eigene Faust durchzusetzen. Das Opfer einer Straftat darf an dem Täter keine Rache nehmen. Wem steht alleine die Strafgewalt zu?

Luật pháp cấm trả thù cá nhân hoặc dùng sức mạnh của mình để giải quyết vấn đề. Nạn nhân của một vụ hình sự không được phép trả thù kẻ gây án. Chỉ có ai mới có quyền phán quyết?

Das Gericht

Toà án

Câu 70

Wie heißt das höchste deutsche Gericht?

Toà án cấp cao nhất của Đức có tên là gì?

Der oberste Bundesgerichtshof

Toà án tối cao liên bang

Câu 71

Was ist unter der Unabhängigkeit der Gerichte zu verstehen?

Nên hiểu tính trung lập của toà án như thế nào cho đúng?

Alle sind vor dem Gesetz gleich. Das Gericht bevorzugt bzw. benachteiligt niemanden.

Tất cả đều bình đẳng trước pháp luật. Toà không ưu tiên ai cũng như không quyết định thiệt thòi cho ai.

Câu 72

Die Bundesrepublik Deutschland ist ein Sozialstaat. Nennen Sie 3 Elemente der sozialen Sicherung in der Bundesrepublik Deutschland!.

CHLB Đức là một nhà nước xã hội. Bạn hãy kể tên 3 yếu tố của bảo hiểm xã hội ở CHLB Đức!

Krankenversicherung, Arbeitslosenversicherung, Rentenversicherung. Außerdem sind noch Sozialhilfe, Kindergeld...

Bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm khi thất nghiệp, bảo hiểm hưu. Ngoài ra còn trợ cấp xã hội, tiền con ...

Câu 73

Wie heißt die politische Vereinigung der europäischen Staaten? Nennen Sie mindestens 5 Mitgliedsstaaten!

Liên minh chính trị của các quốc gia châu Âu có tên là gì? Bạn hãy kể tên ít nhất 5 nước thành viên!

Diese Vereinigung heißt die europäische Union (EU). Mitglieder: Deutschland, Frankreich, Italien, Niederlande, Österreich, Polen, Ungarn.

Hiệp hội đó có tên là Liên minh châu Âu (EU). Thành viên: Đức, Pháp, Ý, Hà lan, Áo, Balan, Hung ga ri

Câu 74

In welcher Stadt hat das europäische Palament seinen Sitz?

Trụ sở của quốc hội châu Âu đóng ở thành phố nào?

In Straßburg / Frankreich

Ở thành phố Straßburg thuộc Pháp

Câu 75

Wie heißt das Organ der EU, das die Gemeinschaftspolitik plant und die Entscheidungen ausführt?

Cơ quan thuộc liên minh châu Âu soạn thảo đường lối chính sách chung và thực hiện những quyết định cho châu Âu có tên là gì?

Europarat

Hội đồng châu Âu

Câu 76

Welchem internationalen Verteidigungsbündnis gehört die Bundesrepublik an?

CHLB Đức là thành viên của liên minh quốc phòng quốc tế nào?

NATO

Khối quân sự Bắc Đại tây dương

Câu 77

Nennen Sie 3 deutsche Philosophen!

Bạn hãy kể tên 3 nhà triết học Đức!

Marx, Kant, Nietzsche, Feuerbach

Câu 78

Johann Wolfgang von Goethe und Friedrich Schiller gelten als Deutschlands berühmteste Dichter. Nennen Sie jeweils ein Werk der beiden Dichter!

Johann Wolfgang von Goethe và Friedrich Schiller được coi là những nhà thơ nổi tiếng nhất của Đức. Bạn hãy kể tên mỗi người một tác phẩm!

Goethe: Faust, Schiller: die Bürgschaft

Câu 79

Nennen Sie einen deutschen Literatur- Nobelpreisträger!

Bạn hãy kể tên một người Đức được nhận giải thưởng Nobel về văn học!

Günter Grass.

Câu 80

Welche Deutsche komponierte in seiner 9. Sinfonie am Schluss die berühmte “Ode an die Freude”? Nennen Sie weitere 2 deutsche Musiker bzw. Komponisten!

Nhạc sĩ người Đức nào đã soạn bản giao hưởng số 9 với đoạn kết có khúc nhạc trữ tình nổi tiếng “ Ode an die Freude”? Bạn hãy nêu tên thêm 2 nhà soạn nhạc khác của Đức!

Die Sinfonie Nr. 9 wird von Beethoven komponiert. Die 2 weitere Komponisten sind Bach und Schumann.

Bản giao hưởng số 9 do nhà soạn nhạc thiên tài Beethoven sáng tác. Hai nhà soạn nhạc nổi tiếng khác của Đức là Bach và Schumann.

Câu 81

Die Bundesrepublik Deutschland hat bedeutende Universitäten. Nennen Sie 3 Universtätsorte!

CHLB Đức có nhiều trường đại học nổi tiếng. Bạn hãy kể tên 3 nơi có những trường ĐH nổi tiếng!

München, Heidelberg, Darmstadt, Göttingen, Berlin

Câu 82

Nennen Sie 3 überregionale deutsche Tageszeitungen und 2 öffentlich- rechtliche Rundfunkanstalten!

Bạn hãy kể tên 3 tờ báo phát hành toàn liên bang và 2 hãng phát thanh truyền hình công cộng.

Zeitungen: Süddeutsche Zeitung, Frankfurter Allgemeine, die Zeit

Rundfunkanstalten: ARD, ZDF, MDR

Câu 83

Erläutern Sie den Begriff “Meinungs- und Pressefreiheit”!

Bạn hãy giải thích khái niệm “Tự do ngôn luận và tự do báo chí”

Das bedeutet: Jeder darf seine eigenen Meinungen in Schrift, Bild, Ton äußern, mit den anderen austauschen, uneingeschränkt zu den Informationsquellen kommen, ohne Angst zu haben, vom Staat bestraft zu werden.

Điều đó có nghĩa là: Ai cũng có quyền thể hiện quan điểm riêng của mình thông qua văn viết, quay phim chụp ảnh hay ghi âm, trao đổi quan điểm với người khác, được tự do tìm đến những nguồn thông tin mà không sợ bị nhà nước trừng phạt.

Câu 84

Wenn jemand sagt:” Freie Medien sind ein unverzichtbarer Teil einer demokratischen Gesellschaft”. Stimmen Sie dem zu oder nicht?

Nếu có một người nào đó nói:” Truyền thông tự do là một bộ phận không thể thiếu được của một xã hội dân chủ” thì bạn có đồng ý với người đó không?

Ich stimme ihm zu (Tôi đồng ý với người đó) hoặc Ich bin anderer Meinung (Tôi có quan điểm khác)

Câu 85

In den deutschen Kinos startete 2004 der Film “ Das Wunder von Bern”. Auf welches sportliche Ereignis nimmt der Film Bezug?

Bộ phim “ Kỳ tích thành phố Béc nơ” được chiếu rộng rãi năm 2004 trong các rạp ở Đức. Bộ phim này dựa vào sự kiện thể thao nào?

1954 wurde Deutschland zum ersten Mal Weltmeister im Fußball (in Bern – Hauptstadt der Schweiz).

Năm 1954 lần đầu tiên Đức vô địch bóng đá thế giới (tại Béc nơ thủ đô của Thụy sĩ.

Câu 86

In welcher deutschen Stadt fanden letztmals die “Olympischen Sommerspiele” statt und von welchem Ereignis wurden sie überschaltet?

Thành phố nào được tổ chức Thế vận hội mùa hè lần cuối cùng trên đất Đức và sự kiện gì đã phủ bóng đen lên những ngày thể vận hội này?

Die olympischen Sommerspiele 1972 fanden in München statt. In einem olympischen Dorf wurden 5 Sportler aus Israel von den Extremisten Palästinas ermordet.

Thế vận hội mùa hè năm 1972 được tổ chức ở München. Trong một làng thể vận hội, 5 vận động viên Israel đã bị những kẻ cực đoan người Palestin ám hại.

Câu 87

Zum gesellschaftlich- kulturellen Bild der Bundesrepublik Deutschland gehören Sportarten und Sportler. Nennen Sie 3 bekannte Sportler!

Các môn thể thao và những vận động viên thể thao là những hình ảnh văn hoá xã hội của CHLB Đức. Bạn hãy nêu tên 3 nhà thể thao nổi tiếng của Đức!

Franz Beckenbauer (Fußball), Michael Schumacher (Formel 1), Henry Maske (Boxen).

Câu 88

Was hat Johannes Gutenberg erfunden?

Ông Johannes Gutenberg đã phát minh ra cái gì?

Er hat Buchdruck erfunden

Ông đã phát minh ra công nghệ in sách.

Câu 89

Welche Personen gelten in Deutschland als Pioniere des Automobilbaus? Nennen Sie 2 Namen!

Ai là những người đặt những viên gạch đầu tiên cho công nghiệp chế tạo ô tô ở Đức? Hãy kể tên 2 người!

Gottfried Daimler, Carl Benz, Rudolf Diesel

Câu 90

Welcher deutscher Physiker hat mit seiner Entdeckung im Jahre 1895 die medizinische Diagnose bis zum heutigen Tag revolutioniert?

Nhà vật lý người Đức nào đã làm một cuộc cách mạng bằng phát minh năm 1895 trong lĩnh vực chuẩn đoán y học mà đến nay phương pháp của ông vẫn còn được áp dụng?

Wilhelm Conrad Röntgen. Er hat die X Strahlungen entdeckt, die durch den festen Körper durchdringen können.

Đó là Wilhelm Conrad Röntgen. Ông đã phát minh ra tia rơn- gen X quang, có thể xuyên qua được những vật rắn.

Câu 91

Was gelang dem deutschen Wissenschaftler Otto Hahn erstmals 1938?

Nhà khoa học Đức Otto Hahn có thành công gì lần đầu tiên vào năm 1938?

Er hat erfolgreich die Kernspaltung erforscht. Die neue Ära der Nutzung der Kernenergie hat begonnen.

Ông đã nghiên cứu thành công phân chia hạt nhân nguyên tử. Kỷ nguyên mới về sử dụng năng lượng hạt nhân đã bắt đầu.

Câu 92

Welcher deutsche Arzt entdeckte die Erreger von Cholera und Tuberkulose?

Bác sĩ người Đức nào đã phát hiện ra vi trùng tả và vi trùng lao?

Robert Koch

Câu 93

Welche Farben hat die deutsche Bundesflagge und wie sind sie angeordnet?

Quốc kỳ của CHLB Đức có những màu gì và được sắp xếp như thế nào?

Schwarz – Rot – Gold von oben nach unten . (Đen- đỏ- vàng từ trên xuống dưới)

Câu 94

Wie heißt der Nationalfeiertag der Bundesrepublik Deutschland und wann wird er begangen?

Ngày quốc khánh của Đức có tên là gì và đó là ngày nào?

Dieser Tag heißt “ Tag der deutschen Einheit”. Er wird am 03. 10. begangen.

Ngày đó có tên là “Ngày thống nhất nước Đức” 03. 10

Câu 95

Wie heißt die deutsche Nationalhymne und mit welchen Worten beginnt sie?

Bài quốc ca Đức có tên là gì, và nó bắt đầu bằng những lời như thế nào?

“Das Lied der Deutschen”. Sie beginnt mit den Worten : Einigkeit und Recht und Freiheit für das deutsche Vaterland ...

“Bài ca của công dân Đức”. Mở đầu bằng những lời : Thống nhất, pháp quyền và tự do cho tổ quốc Đức ...

.....

